

Số: 47/BC-THCS

Cẩm Giàng, ngày 25 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU - CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 theo Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương;

Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-PGDĐT, ngày 30/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cẩm Giàng về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2024 - 2025;

Trường THCS Nguyễn Huệ đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo đầu năm học 2024 - 2025 như sau:

I. CÔNG KHAI CHUNG

1. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Trường THCS Nguyễn Huệ
- Cơ quan quản lý: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

2. Địa chỉ trụ sở: Số 10 Nguyễn Danh Nho, Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Thư điện tử: thcsnguyenhue@gmail.com
- Trang web: thcsnguyenhue.camgiang.edu.vn

II. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, MỤC TIÊU

1. Sứ mạng: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

2. Tâm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

- Triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT) ở các khối 6,7,8,9. Tập trung đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; quan tâm bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; nâng cao



chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn; chất lượng thi vào lớp 10 trung học phổ thông.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ, kỷ cương; chú trọng công tác giáo dục thể chất, y tế trường học, đảm bảo trật tự an toàn giao thông (TTATGT); xây dựng văn hóa học đường, coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, kỹ năng sống cho học sinh. Tăng cường công tác kiểm tra và truyền thông giáo dục; tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện CT GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp 6, 7, 8, 9, trong đó tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai CT GDPT 2018 đối với lớp 9 bảo đảm hoàn thành chương trình năm học và nâng cao chất lượng giáo dục THCS.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện chương trình. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi, tích cực tham gia và nâng cao chất lượng các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do các cấp tổ chức, trong đó đặc biệt chú trọng các giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng đại trà, thi học sinh giỏi và thi vào lớp 10 trung học phổ thông.

- Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng mô hình trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện và điển hình về dạy học ngoại ngữ.

- Triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục; tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của trường trọng điểm chất lượng cao, trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, xứng đáng vị trí dẫn đầu về chất lượng giáo dục cấp THCS huyện Cẩm Giàng và top đầu của tỉnh Hải Dương.

4. Tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

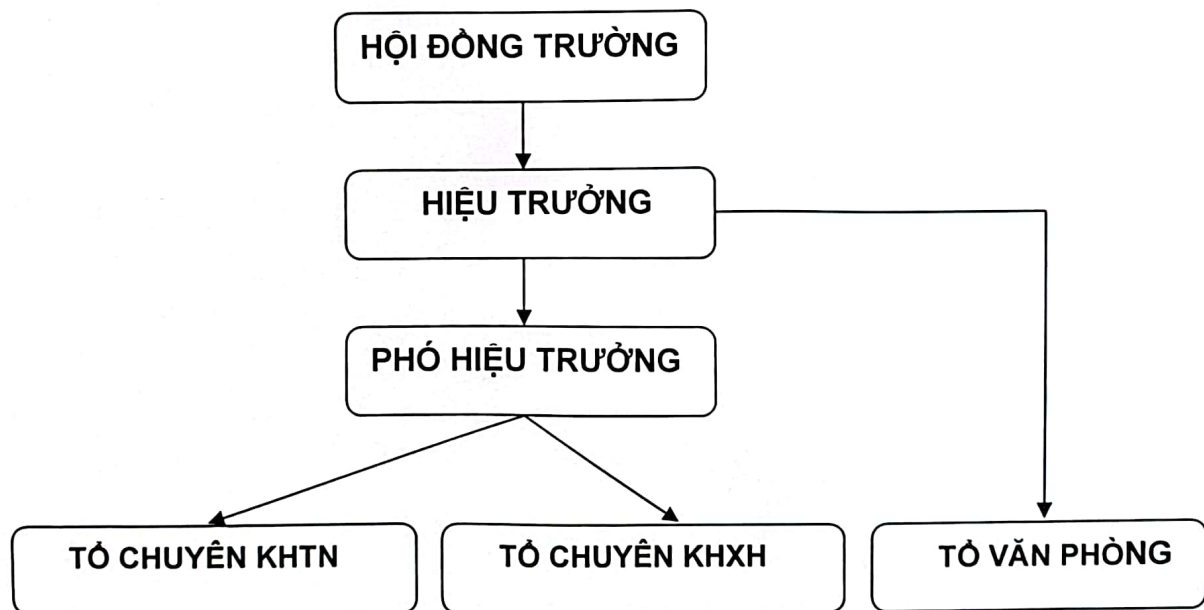
Trường THCS Nguyễn Huệ tiền thân là trường Phổ thông năng khiếu Cẩm Bình được thành lập tháng 12 năm 1996 theo quyết định số: 101/QĐ-UB ngày 31 tháng 7 năm 1996 của UBND huyện Cẩm Bình. Với mô hình là trường năng khiếu, nhiệm vụ chủ yếu của nhà trường là dạy học đại trà và bồi dưỡng học sinh cấp THCS có năng khiếu của huyện theo mô hình chuyên. Khi mới thành lập trường chỉ có 3 lớp (01 lớp Văn 8, 01 lớp Toán 8 và 01 lớp toán 7). Năm học 1995-1996 do chưa hoàn thiện cơ sở vật chất, 3 lớp của trường phải học nhờ tại trường THCS Lai Cách. Sang năm học 1996-1997 trường được xây dựng và khánh thành tháng 12/1996, trường có 6 lớp (01 lớp Văn 9, 01 lớp Toán 9, 01 lớp Văn 8, 01 lớp Toán 8, 01 lớp Văn 7 và 01 lớp Toán 7) học tại trường. Thực hiện nghị quyết TWII (khoá VIII) tháng 8 năm 1997 trường đổi tên thành trường THCS Nguyễn Huệ. Với nhiệm vụ như các trường trung học cơ sở khác, ngoài ra còn đảm nhiệm thêm nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp trên địa bàn huyện.

Từ khi thành lập đến nay thầy, trò nhà trường đã không ngừng phấn đấu để khẳng định uy tín, chất lượng, thương hiệu xứng đáng là trung tâm chất lượng cao số 1 của huyện Cẩm Giàng. Học sinh của trường được tuyển chọn kỹ càng và được sàng lọc hàng năm. Đội ngũ giáo viên có trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiều đồng chí có kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Hằng năm trong các kì thi giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh giáo viên nhà trường tham gia đều đạt thành tích cao. Có nhiều cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS đều đạt 100%, trong đó loại giỏi từ 70-80%, tỉ lệ học sinh thi đỗ vào THPT hằng năm đều ổn định (Xếp thứ 6 - 8/272 trường THCS trong toàn tỉnh. Hằng năm học sinh thi đỗ vào trường THPT Chuyên Nguyễn Trãi và các trường THPT trực thuộc các trường Đại học từ 25 - 35 học sinh. Chất lượng đại trà luôn giữ vững, tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá, giỏi hằng năm từ 90% - 99%)

5. Thông tin người đại diện hợp pháp

- Người đại diện hợp pháp: Trần Văn Mạnh - Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0869757288
- Thư điện tử: tranvanmanh73@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy



- Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 109/QĐ-PGDĐT ngày 17/9/2024 của trường phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cẩm Giàng về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2025.

- Hiệu trưởng Trần Văn Mạnh, được bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2020 theo quyết định số 3495/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thu Thảo, được bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo quyết định số 5487/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thành Đức được điều động luân chuyển theo quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Các bộ phận trong bộ máy Nhà trường hoạt động theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

III. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024 tính đến 20/10/2024) (Triệu đồng)

Stt	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi	Số tiền
1	Ngân sách 2024 và học phí	Chi lương, các khoản đóng theo lương, tinh giảm biên chế	100%	5.791.480.500
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tăng cường CSVC	100%	1.180.391.400

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học.

2.1. Các khoản thu theo Công văn

Stt	Khoản thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền học phí (theo Công văn....)	Chưa có công văn chỉ đạo	Chưa có công văn chỉ đạo	Chưa có công văn chỉ đạo	Chưa có công văn chỉ đạo
2	BHYT (theo KH 153/KH-UBND ngày 06/08/2024)	Tháng 12	Tháng 12	Tháng 12	Tháng 12
3	BHTT (theo Công văn 402/BVHD-PS2 về triển khai bảo hiểm ngành giáo dục năm 2024-2025)	200.000 đồng	200.000 đồng	200.000 đồng	200.000 đồng

2.2. Các khoản thu theo dịch vụ

Stt	Khoản thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền học thêm	7.000/tiết	7.000/tiết	7.000/tiết	7.000/tiết
2	Tiền xe	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng

2.3. Các khoản thu hộ

Stt	Khoản thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền nước uống	7.000đ/tháng	7.000đ/tháng	7.000đ/tháng	7.000đ/tháng

2.4. Các khoản thu theo thỏa thuận

Stt	Khoản thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
-----	-----------	--------	--------	--------	--------

1	Tiền vệ sinh	16.000/tháng	16.000/tháng	16.000/tháng	16.000/tháng
---	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Miễn học phí theo Nghị quyết 08/2022 Miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập 01 học sinh, giảm 50% học phí cho 02 học sinh.

- Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù : Không

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công trên trang thông tin điện tử của nhà trường

IV. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Đội ngũ giáo viên

- Trường có 34 cán bộ, giáo viên, nhân viên (Nam: 14; Nữ: 20). Biên chế 34. Trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03 (Hiệu trưởng: 01, Phó Hiệu trưởng: 02)

+ Nhân viên: 03 (Kế toán: 01; Văn thư: 01; Thư viện, thiết bị: 01)

+ Giáo viên 28, cơ cấu bộ môn tương đối hợp lý.

- Trình độ chuyên môn: CBQL có trình độ thạc sĩ 2/3 (66,7%), giáo viên có trình độ Thạc sĩ 1/28 (3,6%); đại học 27/28(96,4%), nhân viên có trình độ đại học 3/3 (100%).

2. Học sinh: Tổng số lớp: 16 lớp, tổng số học sinh 663 (giảm 14 học sinh so với năm học 2023 - 2024).

3. Cơ sở vật chất

- Khối phòng hành chính quản trị: Có 06 phòng (Phòng hiệu trưởng 01, phó hiệu trưởng 02, văn phòng 01, Công đoàn 01, bảo vệ 01).

Có 02 khu vệ sinh CB, GV, NV.

Có 02 khu để xe CB, GV, NV.

- Khối phòng học tập: Có 16 phòng học, 07 phòng học bộ môn (KHTN1, KHTN 2, Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật, Phòng đa năng).

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 06 phòng (Thư viện 03, Thiết bị giáo dục 02, phòng truyền thống 01, phòng Đoàn Đội 01).

- Khu phụ trợ: Có 05 phòng (Phòng họp toàn thể CBGV 01, tổ chuyên môn 03, y tế 01)

+ Có 02 nhà kho, có 01 khu để xe và 02 khu vệ sinh của học sinh.

+ Có cổng và tường rào đảm bảo an toàn.

- Khu sân chơi, bãi tập, nhà đa năng: Có 01 khu sân chơi có diện tích 2.300m², có 01 khu bãi tập 4.800m² và 01 nhà đa năng diện tích 462m².

4. Thiết bị dạy học

- Phòng tin: 21 máy

- Ti vi: 16 chiếc

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tất cả các khối đều học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Bảng chi tiết các thông tin

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Số lớp được duyệt	Lớp Tổng:16	L6:4 L7:4 L8:4 L9: 4	Không tăng, không giảm so với năm học 2023-2024:
2	Số học sinh	HS Tổng:664	L6:158 L7:160 L8:174 L9: 171	Tăng, giảm so với năm học 2023-2024: giảm 13 HS
3	Khuôn viên: Tổng diện tích Sân chơi Bãi tập Nhà đa năng Bể bơi	m ² m ² m ² m ² -	15.135 2.300 4.800 462 Không	Diện tích còn thiếu so với trường chuẩn QG: đủ Đảm bảo hay chưa đảm bảo: đảm bảo
4	Tổng số phòng học đang sử dụng: 16 -Trong đó: Kiên cố Phòng tạm Phòng mượn Phòng mới XD đã bàn giao sử dụng Phòng học đang XD	Phòng - - - - - -	 16 0 0 0 0	Số phòng học còn thiếu theo biên chế lớp được giao: không Phòng bộ môn còn thiếu theo biên chế lớp được giao: không
5	Tổng số phòng bộ môn hiện có: -Trong đó: Đúng quy cách Phòng cải tạo Phòng mới XD, bàn giao sử dụng Phòng đang XD	Phòng - - - -	9 9	Số phòng còn thiếu theo Điều lệ và trường chuẩn QG: không
6	Tổng số phòng làm việc hiện có: Trong đó: Số phòng kiên cố Số phòng được sửa chữa, cải tạo Phòng mới XD đã bàn giao sử dụng Phòng đang XD	Phòng - - - -	10 10 0 0 0	
7	Bàn ghế: - Tổng số bàn ghế HS + Trong đó bàn ghế 2 chỗ ngồi:	Bộ - - -	536 536 456	Đủ

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	+ Mua mới - Tổng số bàn ghế GV	-	0 25	
8	Thiết bị dạy học: - Tổng số thiết bị đồng bộ - Thiết bị hư hỏng nhiều - Thiết bị còn thiếu thuộc khối, môn - Số thiết bị dạy học mua mới - Số máy vi tính các phòng học bộ môn + Phòng Tin học + Phòng học Ngoại ngữ - Số đàn Oóc gan	- - - - - - - -	4 35 6,7,8,9 23 22 01 21 1 0	
9	Phương tiện dạy học - Số máy chiếu đa năng - Đài Caset Mua mới - Tivi cho lớp học - Phương tiện nghe nhìn khác Mua mới	Chiếc - - - - -	4 0 0 16 0	
10	Trang thiết bị của phòng làm việc, phòng chức năng - Số máy vi tính Mua mới - Số máy Photo copy	Chiếc Chiếc - -	13 0 0	Phòng đọc học sinh: 5 Phòng đọc giáo viên: 2
11	Thư viện (TV): - Tổng số sách trong TV + Sách giáo khoa + Sách nghiệp vụ + Sách tham khảo - Số sách lưu TV mua mới + Sách giáo khoa + Sách nghiệp vụ + Sách tham khảo - Số sách lớp 9 lưu TV mua mới + Sách giáo khoa + Sách nghiệp vụ + Sách tham khảo	Bản - - - - - - - - - - -	5560 1005 918 3627 625 420 105 57 361 220 105 36	
12	Công trình phụ trợ - Tường bao (độ dài) - Diện tích nhà để xe + Nhà để xe GV + Nhà để xe HS	m m ² m ² m ²	483 390 80 310	-

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	- Diện tích nhà để xe được xây mới, sửa chữa. Trong đó: + Nhà để xe GV + Nhà để xe HS - Công trình vệ sinh + Cửa GV + Cửa HS	m ² m ² m ² SL m ² m ² m ²	0 170 120 50	
13	Tổng kinh phí đầu tư - Tổng kinh phí + Kinh phí xây mới + Kinh phí sửa chữa, cải tạo CSVC Trong đó phục vụ lớp 9: - Kinh phí mua sắm sách, thiết bị, đồ dùng - Nguồn đầu tư: + Trong ngân sách + Nguồn tài trợ	VNĐ VNĐ VNĐ VNĐ VNĐ VNĐ VNĐ VNĐ	800.000.000 0 800.000.000 12.090.000 12.090.000	Tách và ghi rõ kinh phí xây mới, cải tạo phục vụ cho lớp 8: 0

5. Thông tin về kết quả tự đánh giá về duy trì trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	x
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	Không có
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	Không có
Tiêu chí 1.8		x	x	Không có
Tiêu chí 1.9		x	x	Không có
Tiêu chí 1.10		x	x	Không có
Tiêu chuẩn 2		x	x	x
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3		x	x	x
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x

Tiêu chí 3.4		x	x	Không có
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5		x	x	x
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	Không có
Tiêu chí 5.4		x	x	Không có
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả tự kiểm tra: Nhà trường vẫn duy trì được các tiêu chuẩn, tiêu chí của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 - Kiểm định chất lượng cấp độ 3 vào tháng 8 năm 2024.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

Stt	Nội dung	Chia theo khối			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
a.	Kế hoạch tuyển sinh	- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, có giấy khai sinh hợp lệ, sinh năm 2013 (11 tuổi), các trường hợp quá tuổi, thiếu tuổi thực hiện theo Khoản 4 Điều 33 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT - Phương thức tuyển sinh: Xét học bạ. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.
b.	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thời gian học 35 tuần, Nghi lễ, tết theo quy định của nhà nước. - 12 môn học- hoạt động giáo dục đối với lớp 6,7,8,9.			
c.	Quy chế phối hợp của nhà trường với gia đình và xã hội	- Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 3 thành			

	trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh	viên, ban đại diện lớp có 2 thành viên. - Nhà trường thường xuyên phối hợp với công an xã và các đoàn thể trong việc giáo dục đạo đức học sinh; tuyên truyền đến học sinh về tác hại của thuốc lá điện tử, các chất gây nghiện. Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường; thực hiện tốt công trường an toàn giao thông; các cam kết kí với nhà trường. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.
d	Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi. - Có đầy đủ các phòng học bộ môn. - Có tổ tư vấn tâm lý cho học sinh,

2. Chỉ tiêu phấn đấu

2.1. Danh hiệu thi đua

2.1.1. Danh hiệu thi đua tập thể

- Trường: Tập thể lao động tiên tiến; Tập thể lao động xuất sắc; Được tặng thưởng Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chi bộ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Chi đoàn: Vững mạnh xuất sắc.
- Liên đội: Vững mạnh xuất sắc
- Tập thể lớp xuất sắc: 16/16 lớp

2.1.2. Danh hiệu thi đua cá nhân

- Lao động tiên tiến: 34 đồng chí.
- CSTĐ cơ sở: 26 đồng chí.
- CSTĐ cấp tỉnh: 0 đ/c

2.2. Hình thức khen thưởng

2.2.1. Với tập thể

- Chi bộ: Được Đảng bộ chính quyền tặng Giấy khen.
- Nhà trường: Được UBND huyện tặng Giấy khen.
- Công đoàn: Được LĐLĐ huyện tặng Giấy khen.
- Liên Đội: Huyện đoàn tặng Giấy khen

2.2.2. Với cá nhân

- Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen: 01 đồng chí.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen: 0 đồng chí.
- UBND tỉnh tặng Bằng khen: 05 đồng chí.
- UBND huyện tặng Giấy khen: 17 đồng chí.

2.3. Các cuộc thi, hội thi của giáo viên

2.3.1. Hội thi giáo viên giỏi, hội giảng:

*Hội thi giáo viên dạy giỏi:

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 100% giáo viên tham gia đều đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường (dự kiến tổ chức vào 11/2024)

- Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 100% giáo viên tham gia được công nhận giáo viên dạy giỏi, xếp thứ 01/18 trường trong huyện, ít nhất có 02 giáo viên được phòng GD&ĐT tặng khen.

- Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 01 đồng chí.

* Hội giảng cấp trường: 02 đợt (dự kiến tổ chức vào 10/2024 và 3/2025)

2.3.2. *Thực hiện chuyên đề, dạy học STEM/trải nghiệm STEM:*

- Chuyên đề: 04 chuyên đề cấp trường; 02 chuyên đề cấp huyện

- Dạy học STEM/trải nghiệm STEM: Thực hiện 04 bài học STEM và 01 hoạt động trải nghiệm STEM

- Tổ chức ngày hội STEM cấp trường (dự kiến 3/2025)

2.3.3. *Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học:* 04 nội dung (02 nội dung/học kì)

2.3.4. *Viết và áp dụng sáng kiến:* 100% cán bộ quản lý và giáo viên tham gia viết và áp dụng sáng kiến, đạt cấp huyện 26 sáng kiến trở lên.

2.3.5. *Bồi dưỡng thường xuyên:* 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo quy định

2.4. *Duy trì sĩ số:* 100%

2.5. *Chất lượng giáo dục*

2.5.1. *Chất lượng hai mặt giáo dục*

a) Kết quả học tập:

Khối	Số HS	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	158	150	94,9	8	5,1	0	0,0	0	0,0
7	160	152	95,0	8	5,0	0	0,0	0	0,0
8	175	158	90,3	17	9,7	0	0,0	0	0,0
9	171	160	93,6	11	6,4	0	0,0	0	0,0
Tổng	664	620	93,4	44	6,6	0	0,0	0	0,0

b) Kết quả rèn luyện:

Khối	Số HS	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	158	156	98,7	2	1,3	0	0,0	0	0,0
7	160	158	98,8	2	1,3	0	0,0	0	0,0
8	175	173	98,9	2	1,1	0	0,0	0	0,0
9	171	171	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tổng	664	658	99,1	6	0,9	0	0,0	0	0,0

c) Khen thưởng: Tỷ lệ HS đạt danh hiệu HSG, HSXS chiếm tỷ lệ từ 88,8% trở lên.

2.5.2. *Chất lượng các cuộc thi, sân chơi trí tuệ của học sinh*

a) Học sinh giỏi văn hóa:

* Cấp huyện: Xếp hạng chung 01/18 trường

Stt	Môn	Số HS đạt giải	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK	Xếp hạng trong huyện
1	Toán	10	1	2	3	4	1
2	KHTN (Vật lý)	10	1	2	3	4	1
3	KHTN (Hóa học)	10	1	3	3	3	1
4	KHTN (Sinh học)	10	1	2	3	4	1
5	Ngữ văn	10	1	2	3	4	1
6	LS&ĐL (Lịch Sử)	10	1	2	3	4	1
7	LS&ĐL (Địa lý)	10	1	2	3	4	1
8	Tiếng Anh	10	1	2	4	3	1
9	Tin học	5	1	2	1	1	1
Tổng		85	9	19	27	30	1

*Cấp tỉnh: Xếp hạng chung 04 trở lên trong 12 huyện, thị, thành phố trong tỉnh, cụ thể:

Stt	Môn	Số HS đạt giải	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK	Điểm trung bình	Xếp hạng trong tỉnh
1	Toán	8	0	1	3	4	8,300	3
2	KHTN (Vật lý)	8	0	4	2	2	8,500	3
3	KHTN (Hóa học)	8	1	1	3	3	8,200	3
4	KHTN (Sinh học)	7	0	1	3	3	7,500	6
5	Ngữ văn	10	1	2	3	4	6,750	4
6	LS&ĐL (Lịch Sử)	8	0	2	3	3	6,750	6
7	LS&ĐL (Địa lý)	5	0	1	2	2	7,000	6
8	Tiếng Anh	8	0	2	3	3	7,000	5
9	Tin học	4	0	1	1	2	8,500	4
Tổng		66	2	15	23	26	7,611	4

*Giao lưu học sinh giỏi khối 8: 100% học sinh tham gia đạt giải

b) Điền kinh và cờ vua:

- Điền kinh:

- + Cấp huyện: Xếp 9/18 trở lên trong huyện.
 - + Cấp tỉnh: 01 học sinh tham gia
 - Cờ vua:
 - + Cấp huyện: Xếp thứ 01/18
 - + Cấp tỉnh: 02 học sinh đoạt giải Ba
 - c) Thi KHKT: 01 dự án tham gia và đoạt giải cấp huyện.
 - d) Tham gia các cuộc thi, hội thi, sân chơi trí tuệ:
 - IOE: 06 học sinh trở lên đoạt giải quốc gia.
 - Viết thư quốc tế UPU: Ít nhất 01 học sinh đoạt giải quốc gia.
 - Ý tưởng khởi nghiệp: 01 sản phẩm tham gia, đoạt giải cấp tỉnh
 - Đại sứ Văn hóa đọc : 01 học sinh trở lên đoạt giải cấp tỉnh.
 - An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai: 03 học sinh và 01 giáo viên đoạt giải cấp quốc gia.
 - Sáng tạo thanh thiếu niên: 01 sản phẩm tham gia, đoạt giải cấp tỉnh.
- 2.5.3. *Tốt nghiệp THCS và thi vào THPT:*
- Tốt nghiệp THCS: 100% học sinh lớp 9 đủ điều kiện xét tốt nghiệp và được công nhận TN THCS
 - Thi vào lớp 10 trung học phổ thông: 171 học sinh (tỉ lệ 100%), trong đó đỗ vào trường THPT chuyên Nguyễn Trãi 38 học sinh (Toán: 05; Tin: 04; Lý: 06; Hóa: 05; Sinh: 04; N.Văn: 05, L.Sử: 03 ; Địa lý: 03, T.Anh: 03), xếp hạng từ thứ 04 trở lên trong 251 trường THCS trong tỉnh.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (đề b/c);
- CB, GV, NV toàn trường;
- Niêm yết bảng tin công khai;
- Website nhà trường;
- Ban Đại diện CMHS;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Mạnh